

Bản án số: 434/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư.
2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 801/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973; Địa chỉ: số a/aa đường b, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Cái Thanh V, sinh năm 1972; Địa chỉ: số a/aa đường b, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023 nộp Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/12/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Cái Thanh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/5/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không cùng tiếng

nói chung nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1095/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, dù hai bên cố gắng hoà giải đoàn tụ gia đình nhưng không thành, không thể duy trì cuộc hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án cho bà H được ly hôn với ông Cái Thanh V.

Về nuôi con chung vợ: Bà H xác nhận có 02 (hai) con chung tên Cái Thanh K, sinh ngày 21/8/1998 (thành niên) và Cái Khoa Đ, sinh ngày 24/10/2006, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Cái Khoa Đ và không yêu cầu ông Cái Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 21/02/2024, ông Cái Thanh V trình bày: Ông Cái Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/5/2003. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể. Về tình cảm vợ chồng ông V còn thương vợ con, vợ chồng đang sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng tranh cãi vặt không có gì trầm trọng và yêu cầu Tòa án giải quyết đoàn tụ gia đình, ông V không muốn ly hôn.

Về nuôi con chung vợ: Ông Cái Thanh V xác nhận có 02 (hai) con chung tên Cái Thanh K, sinh ngày 21/8/1998 (thành niên) và Cái Khoa Đ, sinh ngày 24/10/2006, ngoài ra không còn con chung nào khác.

Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng ông V không đồng ý ly hôn nên không liệt kê.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Cái Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp

luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H.

Bị đơn ông Cái Thanh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Cái Thanh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Cái Thanh V vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Cái Thanh V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Cái Thanh V hiện cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Cái Thanh V tự nguyện chung sống với nhau năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số c/KH, quyển số d/2000 ngày d/m/2000) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và ông Cái Thanh V. Ông V không đồng ý. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H cho rằng: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không cùng tiếng nói chung nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1095/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay tình cảm vợ chồng không

còn nữa, dù hai bên cố gắng hoà giải đoàn tụ gia đình nhưng không thành, không thể duy trì cuộc hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Toà án cho bà H được ly hôn với ông Cái Thanh V.

Tại Bản tự khai ngày 21/02/2024, ông V cho rằng: Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể. Về tình cảm vợ chồng ông V còn thương vợ con, vợ chồng đang sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng tranh cãi vặt vặt không có gì trầm trọng và yêu cầu Toà án giải quyết đoàn tụ gia đình, ông V không muốn ly hôn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Cái Thanh V đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông Cái Thanh V vẫn vắng mặt mà không có lý do. Điều này thể hiện ông Cái Thanh V đã từ bỏ quyền lợi của mình, không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Cái Thanh V xác nhận có 02 (hai) con chung tên Cái Thanh K, sinh ngày 21/8/1998 (thành niên) và Cái Khoa Đ, sinh ngày 24/10/2006, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Cái Khoa Đ và không yêu cầu ông Cái Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Bản tự khai ngày 26/3/2024 của trẻ Cái Khoa Đ có nguyện vọng được sống với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, Cái Khoa Đ, sinh ngày 24/10/2006. Ông Cái Thanh V, đã được Tòa án nhiều lần triệu tập ông Cái Thanh V đến Tòa để tạo điều kiện cho ông Cái Thanh V bà Nguyễn Thị Thu H hòa giải, thỏa thuận việc nuôi con chung nhưng ông Cái Thanh V vẫn vắng mặt mà không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào chứng minh về điều kiện nuôi con để phản hồi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà H. Điều này thể hiện ông Cái Thanh V đã từ bỏ quyền lợi của mình, không còn tha thiết đến việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay bà Nguyễn Thị Thu H có chỗ ở và công việc ổn định. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con, trong đó có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Cái Thanh V cho đến khi bà H có yêu cầu là phù hợp. Ông Cái Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Cái Thanh V trình bày có tài sản chung nhưng không khai

cụ thể và không có yêu cầu gì, ông V nhiều lần vắng mặt buổi hoà giải và phiên toà nhưng không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Cái Thanh V xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc xin ly hôn với ông Cái Thanh V.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Cái Thanh V (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/KH, quyển số 01/2000 của Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2000).

- Về nuôi con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Cái Khoa Đ, sinh ngày 24/10/2006 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông Cái Thanh V cho đến khi bà H có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức

được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Cái Thanh V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0036582 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Tiên